Câu 1. Căn bậc hai số học của 49 là

A. 7 B. -7 C. ± 7 D. 256

Câu 2. Tính $\sqrt{20a^4b^2}$ ta được kết quả:

A. $2a^2|b|\sqrt{5}$ B. $2\sqrt{5}a^2b$ C. $-2\sqrt{5}a^2b$ D. $-2a^2|b|\sqrt{5}$

Câu 3. Nếu tam giác ABC vuông tại A thì

A. AC = BC.CosB B. AB = BC.SinB

C. AC = BC.SinC D. AC = AB.CotC

Câu 4. Khử mẫu của biểu thức lấy căn $\sqrt{\frac{4}{5}}$ được kết quả là:

A. $2\sqrt{5}$ B. $\frac{2\sqrt{5}}{5}$ C. $\frac{2}{5}$ D. $\frac{\sqrt{5}}{5}$

Câu 5: Rút gọn các biểu thức $2\sqrt{12}+4\sqrt{3}-5\sqrt{27}$ được

A. $-7\sqrt{3}$ B. $\sqrt{3}$ C. $-14\sqrt{3}$ D. $7\sqrt{3}$

Câu 6. Cho tam giác ABC vuông tại A, cạnh huyền a, cạnh góc vuông là b và c, khi đó:

A. c = a.sinB; b = b.tanC

B. c = a.sinC ; b = a. cotC

C. c = a.tanB ; b = a. sin C

D. c = a.cotC ; b = a.tan B

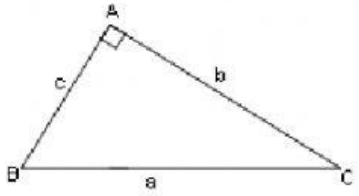

Câu 7. So sánh 4 với $2\sqrt{2}$ ta có kết luận sau:

A. $4 < 2\sqrt{2}$ B. $4 > 2\sqrt{2}$ C. $4 = 2\sqrt{2}$ D. $4 \le 2\sqrt{2}$

Câu 8. Tam giác MPQ vuông tại P. Ta có:

A. $\text{CosM} = \frac{PM}{MQ}$ B. $\text{CosM} = \frac{PQ}{MQ}$; C. $\text{CosM} = \frac{MQ}{PM}$; D. $\text{CosM} = \frac{MQ}{PQ}$

Câu 9. Cho tam giác ABC vuông tại A, có AC = 5cm, $C = 60^0$. Độ dài cạnh BC là:

A . 5 cm. B. 10 cm. C. $4\sqrt{3}$ cm D. 12 cm.

Câu 10. Rút gọn $M = \sqrt[3]{-64} - \sqrt[3]{27}$ ta được:

A. M = 1 B. M = - 1 C. M = -7 D. M = 7

Câu 11. Biểu thức $\sqrt{5x+2}$ xác định khi:

A. $x \ge -\frac{2}{5}$ B. $x \ge -\frac{5}{2}$ C. $x \ge -2$ D. $x \ge -5$

Câu 12. Tam giác ABC vuông tại A (hình 2), đường cao AH chia cạnh huyền thành hai đoạn . BH = 2(cm) và HC = 6(cm). Độ dài cạnh góc vuông AB là:

A. 16(cm) B. 4(cm)

C. $4\sqrt{3}$ (cm) D. $\sqrt{2^2+6^2}$ (cm).

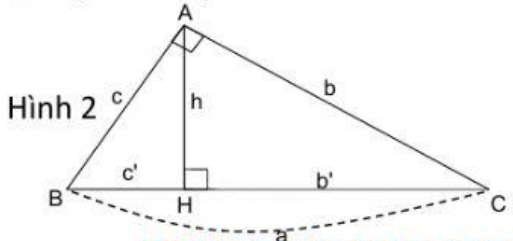

Hình 2

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS